

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 391/2024/DS-ST
Ngày 19 tháng 12 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân; Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1071/2024/TLST-DS ngày 15/10/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 687/2024/QĐXXST-DS ngày 06/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 672/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H2.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng D, Tòa nhà N, H, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng H2 chi nhánh A (Quyết định số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng H2 về việc ủy quyền tham gia tố tụng).

Ông Đặng Hoàng N ủy quyền lại cho bà Mai Thị Kim H, chức vụ: Cán bộ tín dụng (Giấy ủy quyền số 77/GUQ-CNAG ngày 04/11/2024). Địa chỉ: Số A, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Bà H có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước H1, sinh năm 1969, bà Nguyễn Thị Lam P, sinh năm 1968. Cùng nơi cư trú: Số E, tổ D, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng trình bày: Ngày 15/11/2018, ông Nguyễn Phước H1 và Ngân hàng H2 chi nhánh A ký kết hợp đồng cho vay số TD15000316 theo phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ của ông Nguyễn Phước H1, bà Nguyễn Thị Lam P, số tiền vay là 110.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay là 60 tháng (từ 15/11/2018 đến ngày 15/11/2023), lãi suất cho vay là 11,04%/năm, được điều chỉnh theo quy định, nguồn trả nợ từ lương, thưởng, phụ cấp hàng tháng vào ngày 10 của mỗi tháng, số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 1.840.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Nguyễn Phước H1 thanh toán nợ theo định kỳ đến tháng 8/2022 thì ngưng cho đến nay nên khoản vay đã chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 28/02/2023. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Phước H1 và bà Nguyễn Thị Lam P phải liên đới trách nhiệm trả số tiền vốn, lãi tính đến ngày 19/12/2024 là 39.824.631 đồng, trong đó nợ gốc là 29.040.000 đồng, nợ lãi là 10.784.631 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh thực tế theo mức lãi suất ngân hàng quy định cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn Nguyễn Phước H1, Nguyễn Thị Lam P vắng mặt trong quá trình tố tụng, không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Mai Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn được Tòa án cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 14/11/2018, ông Nguyễn Phước H1, bà Nguyễn Thị Lam P có văn bản thể hiện phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ gửi cho Ngân hàng H2 yêu cầu cho vay tiền phục vụ nhu cầu đời sống. Ngày 15/11/2018, Ngân hàng và ông

Nguyễn Phước H1 tiến hành giao kết hợp đồng cho vay số TD15000316, số tiền vay là 110.000.000 đồng, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay là thời hạn vay là 60 tháng, trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 của mỗi tháng, số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 1.840.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1 trả vốn, lãi đến tháng 8/2022 thì ngưng và khoản vay nêu trên đã quá hạn thanh toán từ ngày 28/02/2023. Ngân hàng ban hành thông báo nhắc nợ nhưng phía ông H1, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả vốn, lãi tính đến hết ngày 19/12/2024 là 39.824.631 đồng, trong đó nợ gốc là 29.040.000 đồng, nợ lãi là 10.784.631 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H2. Buộc ông Nguyễn Phước H1 và bà Nguyễn Thị Lam P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng H2 số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 19/12/2024 là 39.824.631 đồng, trong đó nợ gốc là 29.040.000 đồng, nợ lãi là 10.784.631 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/12/2024, ông H1, bà P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số TD15000316 ngày 15/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Nguyễn Phước H1, Nguyễn Thị Lam P phải có nghĩa vụ liên đới nộp 1.991.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng H2 số tiền 945.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001596 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng H2 chi nhánh A được đại diện nhận.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam